

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

LÊ NGỌC DUY* - BÙI THỊ THANH HUYỀN**

Bài viết tập trung phân tích, đánh giá một số quy định của Hiến pháp năm 2013 về tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam, từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện một số quy định về các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013, góp phần hoàn thiện Hiến pháp năm 2013.

Từ khóa: Các cơ quan nhà nước, bộ máy nhà nước, Hiến pháp năm 2013.

Ngày nhận bài: 21/4/2020; Biên tập xong: 09/6/2020; Duyệt đăng: 12/8/2020

The article concentrates on analyzing and evaluating some regulations in the 2013 Constitution on organization and operation of the State agencies in the Vietnamese state apparatus. Then, recommendations to perfect provisions on those agencies and the 2013 Constitution are presented.

Keywords: State agencies, state apparatus, the 2013 Constitution.

Hiến pháp năm 2013 sau một thời gian triển khai thi hành đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, bước đầu lan tỏa những tư tưởng, tinh thần, giá trị cốt lõi, tạo tiền đề quan trọng thực hiện công cuộc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay và trong thời gian tới. Trong quá trình thi hành Hiến pháp năm 2013, bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập, ảnh hưởng không nhỏ đến nền tảng chính trị, hiệu quả hoạt động của nhà nước, cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân, tổ chức. Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013 là nhiệm vụ cấp bách, cần thiết.

1. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013

1.1. Quốc hội

Tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo Hiến pháp năm 2013 về cơ bản đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, góp phần quan trọng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, bởi vai trò của Quốc hội có sự tác động, ảnh hưởng đến toàn thể các cơ quan còn lại trong bộ máy nhà nước. Chính vì vậy, để bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả, nhiệm vụ đầu tiên là phải đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Tuy nhiên, qua nghiên cứu từ thực trạng pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật, so sánh đối chiếu với Hiến pháp và pháp luật nước ngoài của Quốc hội Việt Nam, chúng tôi nhận thấy về tổ chức và hoạt động của Quốc hội vẫn bộc lộ một số hạn chế, tồn tại như sau:

* Thạc sĩ, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

** Tiến sĩ, Phó Trường khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

- Theo quy định, Quốc hội hoạt động không thường xuyên, mỗi năm Quốc hội họp 2 kỳ, trừ trường hợp họp bất thường theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Hiến pháp năm 2013. Do vậy, hoạt động của Quốc hội được thực hiện thông qua các cơ quan chuyên trách, đặc biệt là cơ quan thường trực - Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH). Theo chúng tôi, việc quy định Quốc hội họp một năm 2 kỳ không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay mà chỉ phù hợp với thời kỳ đất nước có chiến tranh. Mặc dù đã có nhiều ý kiến đề xuất sửa đổi quy định này, Quốc hội nên chuyển sang chế độ làm việc thường xuyên, liên tục, nhưng kiến nghị này vẫn chưa được chấp nhận qua nhiều lần sửa đổi toàn diện các bản Hiến pháp gần đây. Chúng tôi cho rằng, việc sửa đổi chuyển chế độ làm việc của Quốc hội từ 2 kỳ họp trong năm sang chế độ làm việc thường xuyên cần phải tiến hành ngay trong lần sửa đổi hoặc ban hành Hiến pháp mới trong thời gian tới. Yêu cầu thực tiễn hiện nay đòi hỏi Quốc hội phải làm việc thường xuyên, liên tục, thậm chí Quốc hội không thể dồn hết mọi việc cho UBTVQH.

- Với quy định pháp luật hiện hành, số lượng Đại biểu Quốc hội không quá 500 người, bao gồm đại biểu hoạt động chuyên trách và đại biểu hoạt động không chuyên trách. Số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 35% tổng số đại biểu Quốc hội (Điều 23 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014). Như vậy, số lượng Đại biểu chuyên trách không quá 175 người. Số lượng này so với khối lượng công việc đồ sộ mà Quốc hội phải giải quyết rõ ràng là không tương xứng, có thể dẫn đến kết quả không đạt yêu cầu. Trong khi đó, số Đại biểu không chuyên trách hoạt động không đúng năng lực, không hết trách nhiệm vì nhiều lý do, bởi chính

cơ chế kiêm nhiệm đã vô tình tạo ra. Theo quy định tại Điều 24 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, Đại biểu không chuyên trách phải dành ít nhất 1/3 thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội. Tuy nhiên, vì hoạt động của đại biểu Quốc hội không phải là hoạt động chính của họ, họ vẫn còn công việc chuyên môn nên khó có thể phát huy hết khả năng, tâm huyết. Thậm chí, nhiều đại biểu còn ngại va chạm nên không quyết tâm đến cùng, một số đại biểu thì coi trọng lợi ích của ngành mình đang công tác nên công việc của Quốc hội còn né tránh, thực hiện qua loa.

- Chất lượng đại biểu Quốc hội còn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Thực hiện tốt chức năng lập hiến, lập pháp, đưa ra quyết định sáng suốt về vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của nhà nước một cách hiệu quả là giá trị cốt lõi trong hoạt động của Quốc hội. Trong hoạt động lập hiến, lập pháp, cần tăng cường số lượng đại biểu chuyên trách và nâng cao chất lượng đại biểu trong công tác xây dựng pháp luật. Khi thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, Quốc hội cần tiếp tục nâng cao ý thức trách nhiệm của các đại biểu, xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả hơn như ban hành quy trình chất vấn (phải có chế tài để xử lý), bổ sung thêm các hoạt động giám sát mới như tổ chức phiên điều trần, bỏ phiếu bất tín nhiệm... Trong hoạt động giám sát, Quốc hội chủ yếu tập trung giám sát về mặt chính trị đối với các cơ quan khác. Do đó, việc giám sát về mặt chuyên môn vẫn nên giao cho các cơ quan chuyên trách. Chính vì vậy, việc thành lập các thiết chế hiến định độc lập như mô hình ở các quốc gia hiện nay để

thực hiện hoạt động giám sát là cần thiết như cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra, cơ quan kiểm toán, Hội đồng hiến pháp... Đặc biệt, việc xây dựng mô hình bảo hiến ở Việt Nam đang rất cấp bách bởi đây là cơ quan có thẩm quyền bảo vệ Hiến pháp và pháp luật do Quốc hội ban hành.

1.2. Chính phủ

Quy định về Chính phủ trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013 đã có sự bổ sung, hoàn thiện tương đối đầy đủ, đặc biệt trong cơ chế thực hiện quyền lực nhà nước, đã quy định rõ Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cần xác định rõ mối quan hệ trong cơ chế tổ chức quyền lực giữa Chính phủ với Quốc hội và Chính quyền địa phương.

- Mối quan hệ giữa Chính phủ với Quốc hội thể hiện qua quy định Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội (Điều 94 Hiến pháp năm 2013). Quy định này cho thấy sự lệ thuộc ở mức độ cao của Chính phủ với Quốc hội, làm mất đi sự chủ động, tính độc lập của Chính phủ trong cơ chế quyền lực nhà nước. Nhu cầu xây dựng một Chính phủ mạnh luôn đòi hỏi sự linh hoạt và chủ động trong hoạt động quản lý để Chính phủ điều hành mọi hoạt động thuộc chức năng hành pháp. Đặc biệt, trong hoạt động quản lý kinh tế, với sự vận động không ngừng đời sống xã hội, kinh tế thị trường, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hội nhập toàn cầu đòi hỏi Chính phủ phải thích ứng với xu thế đó. Vì vậy, cần tăng cường tính chủ động của Chính phủ trong đề xuất và triển khai hoạch định chính sách, điều hành kinh tế để Chính phủ thực hiện chức năng hành pháp một cách hiệu quả. Nếu Chính phủ bị ràng buộc, phụ thuộc quá nhiều vào Quốc hội thì sẽ mất đi tính năng động, chủ

động và tính chịu trách nhiệm. Do đó, trong mối quan hệ giữa Chính phủ và Quốc hội, nên bỏ quy định Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Tuy nhiên, cần tăng cường chất lượng hoạt động giám sát của Quốc hội đối với Chính phủ, bằng việc đổi mới hình thức, nội dung, phương thức giám sát để hoạt động giám sát đạt hiệu quả.

- Mối quan hệ giữa Thủ tướng và thành viên Chính phủ cũng cần phân định rõ ràng, đặc biệt làm rõ đâu là trách nhiệm cá nhân, đâu là trách nhiệm tập thể. Theo quy định tại Hiến pháp năm 2013, Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số (khoản 1 Điều 95). Tuy nhiên, mối quan hệ giữa Thủ tướng và thành viên Chính phủ, đặc biệt là Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ còn được xác lập trên cơ sở: Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao (khoản 2 Điều 95). Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, cùng các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Chính phủ (khoản 4 Điều 95). Như vậy, chế độ làm việc của Chính phủ vẫn là chế độ tập thể, quyết định theo đa số nhưng Thủ tướng lại chịu trách nhiệm cá nhân trước Quốc hội, còn Bộ trưởng vừa chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng, vừa chịu trách nhiệm cá nhân trước Quốc hội. Thực tế, có trường hợp mâu thuẫn về quản lý, Bộ trưởng nên thực hiện theo lãnh đạo của Thủ tướng hay hành động độc lập để thực hiện trách

nhiệm trước Quốc hội. Điều này gây ra sự không rõ ràng về trách nhiệm và hành động của Bộ trưởng. Bên cạnh đó, với quy định trên, vai trò của Thủ tướng cũng bị khuất bóng bởi chế độ tập thể, nhiều vấn đề Thủ tướng không tự mình quyết định mà lấy ý kiến tập thể, nhưng hậu quả xảy ra thì Thủ tướng chịu trách nhiệm cá nhân trước Quốc hội. Điều này dẫn đến việc có những sai sót, vi phạm trong hoạt động của Chính phủ trong nhiều trường hợp khó xác định rõ là thuộc về ai. Vì vậy, để giải quyết các mâu thuẫn này, nên xác lập chế độ thủ trưởng trong tổ chức Chính phủ. Đây cũng là xu hướng tổ chức Chính phủ ở nhiều nước trên thế giới¹. Khi đó, Chính phủ sẽ không quyết định tập thể các vấn đề quan trọng, mà áp dụng chế độ thủ trưởng, tức là Thủ tướng sẽ quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân (giống như chế độ làm việc của Bộ hay của Viện kiểm sát nhân dân hiện nay).

1.3. Tòa án nhân dân

Thiết chế Tòa án nhân dân (TAND) trong Hiến pháp năm 2013 đã có sự hoàn thiện trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước; theo đó, Tòa án là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam và thực hiện quyền tư pháp (khoản 1 Điều 102). Về cơ cấu tổ chức, theo Điều 102 Hiến pháp năm 2013 và Điều 3 Luật tổ chức TAND năm 2014, tổ chức TAND gồm: TAND tối cao, TAND cấp cao, TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; Tòa án quân sự. Như vậy, mô hình xây dựng tòa án khu vực theo tinh thần cải cách tư pháp vẫn chưa

được triển khai thực hiện. Theo chúng tôi, việc xây dựng tòa án khu vực vẫn rất cần thiết và không ngoài mục đích đảm bảo sự độc lập đối với tòa án. Thiết nghĩ, nhiệm vụ cải cách tư pháp giai đoạn sau năm 2020 sẽ tiếp tục triển khai xây dựng mô hình tòa án khu vực. Tất nhiên, nếu có tổ chức Tòa án khu vực thì việc điều chỉnh pháp luật cũng chỉ nằm trong Luật tổ chức TAND chứ không cần sửa đổi quy định trong Hiến pháp. Một vấn đề mà chúng tôi cho rằng là sự thiếu sót, không quy định trong Hiến pháp là “*nguyên tắc các Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử*”. Đây là một nguyên tắc tổ chức của Tòa án hiện mới chỉ được quy định tại Điều 5 Luật Tổ chức TAND năm 2014. Đây là một trong những nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong tổ chức và hoạt động của tòa án, cùng với nguyên tắc: “*Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm*”. Hai nguyên tắc trên là cơ bản và cốt lõi trong tổ chức và hoạt động của Tòa án, từ đó tiếp tục đặt ra các nguyên tắc khác như quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 và một số nguyên tắc trong Luật tổ chức TAND năm 2014. Tòa án được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử cũng là cơ sở để xây dựng tòa án khu vực, không phụ thuộc vào cấp đơn vị hành chính, không theo cấp chính quyền địa phương. Chỉ khi tổ chức như vậy, Tòa án mới thật sự độc lập, tòa án độc lập thì công lý mới tỏa sáng. Đây cũng là yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của Tòa án mà khoản 3 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: *Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi*

¹ Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Sửa đổi, bổ sung hiến pháp năm 1992 – Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Tập 1: Những vấn đề chung về Hiến pháp và bộ máy nhà nước*, NXB Hồng Đức, 2012, Hà Nội, tr.524.

ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Một vấn đề khác trong hoạt động của Tòa án là cần duy trì và tăng cường cơ chế giám sát hoạt động xét xử bằng thiết chế Viện kiểm sát nhân dân (VKSND). Hiện nay, vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng, trong hoạt động xét xử nên bỏ chức năng kiểm sát hoạt động xét xử vì nó ảnh hưởng đến nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án. Tuy nhiên, từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, kiểm sát hoạt động xét xử luôn cần thiết và không thể không giám sát hoạt động xét xử. Về mặt lý luận khoa học pháp lý, quyền lực luôn có xu hướng và nguy cơ bị lạm dụng, lạm quyền, tha hóa, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vi phạm, tham nhũng. Do đó, quyền lực phải được kiểm soát, ngăn chặn bằng chính quyền lực, đó cũng là biện pháp hữu hiệu nhất. Tòa án cũng không phải là ngoại lệ trong trường hợp này, hoạt động xét xử cần phải được kiểm soát, giám sát chặt chẽ mới thật sự phát huy hiệu quả, đảm bảo công bằng. Về thực tiễn, hàng năm VKSND và TAND cấp trên đã ban hành nhiều kháng nghị, kiến nghị vi phạm trong hoạt động xét xử để điều chỉnh hoạt động xét xử được đúng đắn, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Đây chính là minh chứng rõ nét nhất qua số liệu thực tế công tác ngành Kiểm sát và Tòa án về sự cần thiết của cơ chế kiểm soát, giám sát hoạt động xét xử, đặc biệt bằng thiết chế VKSND.

1.4. Viện kiểm sát nhân dân

Hiến pháp năm 2013 tiếp tục ghi nhận VKSND có vị trí hiến định, là một cơ quan của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Thiết chế

VKSND càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, bởi VKSND chính là cơ quan bảo vệ pháp luật của nhà nước, được ví như thanh bảo đao của Đảng và Nhà nước trong bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, công cuộc đấu tranh chống tham nhũng trở thành quyết tâm chính trị của Đảng ta nhằm xây dựng bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta², việc duy trì và đổi mới hoạt động mô hình VKS là hoàn toàn phù hợp bởi lý do sau đây:

Một là, xét về vị trí, VKS nằm ở vị trí hiến định, có ưu thế nhất định, vì không thuộc nhánh hành pháp (Chính phủ), cũng không nằm trong nhánh tư pháp (Tòa án). VKS là một thiết chế được tổ chức và hoạt động độc lập, Viện trưởng VKS cấp dưới chỉ chịu sự lãnh đạo của VKS cấp trên và của Viện trưởng VKSND tối cao. Viện trưởng VKSND tối cao do Quốc hội bầu, chỉ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Đồng thời, trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, để tăng cường hoạt động giám sát của nhánh quyền lập pháp với hành pháp và tư pháp, giải pháp đúng đắn là hoàn thiện mô hình VKSND, để VKSND thực sự là chỗ dựa đáng tin cậy của Quốc hội trong thực hiện quyền lập pháp và giám sát tối cao của mình.

Hai là, xét về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, VKS có nhiều khả năng phòng ngừa, răn đe và chủ động trong đấu tranh chống tội phạm chứ không phải Viện công tố. Chủ

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

trương của Đảng về xây dựng một nền công tố mạnh trong thiết chế VKSND đã và đang được VKSND triển khai thực hiện có hiệu quả. Điều này càng chứng tỏ rằng VKS vẫn tập trung thực hiện tốt chức năng công tố mạnh một cách hiệu quả. Như vậy, lý thuyết chuyển VKS thành Viện công tố với mong muốn xây dựng nền công tố mạnh, chỉ tập trung vào hoạt động công tố, nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tội phạm liệu có cần nữa không? Việc VKS vừa thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp, vừa thực hiện chức năng công tố sẽ làm tăng khả năng theo sát vụ việc. Hai chức năng vừa độc lập, vừa hỗ trợ cho nhau, cùng hướng đến mục đích chứng minh sự thật khách quan vụ án, đảm bảo không oan, sai, không bỏ lọt đối với tội phạm nói chung và tội phạm về tham nhũng nói riêng. Trong công tác đấu tranh chống tham nhũng, VKS có điều kiện thuận lợi nhất để chống tham nhũng, bởi vì tham nhũng cũng là một loại tội phạm nằm trong nhóm các tội phạm mà VKS có trách nhiệm phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.

Như vậy, trong thời gian tới, trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam luôn cần thiết duy trì và đổi mới tổ chức và hoạt động thiết chế VKSND. Một trong những nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện khẩn trương nhằm đổi mới tổ chức và hoạt động của VKSND là xây dựng một nền công tố mạnh trong thiết chế VKSND. Theo đó, cần tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra; mở rộng thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao trong điều tra một số tội phạm về tham nhũng, chức vụ; nâng cao chất lượng truy tố và tranh tụng tại phiên tòa... Bên cạnh đó, cần đổi mới phương thức, hình thức, nội dung chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp để

nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát, từ đó xây dựng chức năng kiểm sát trở thành một thành tố không thể thiếu của VKSND để giám sát hoạt động tư pháp. Trong tương lai, nghiên cứu mở rộng thẩm quyền thực hiện chức năng kiểm sát trong lĩnh vực hành chính, để thiết chế VKSND trở thành cánh tay nối dài của Quốc hội nhằm kiểm soát quyền lực đối với nhánh quyền hành pháp, tư pháp. Về cơ cấu tổ chức, để đảm bảo sự đồng bộ như bên hệ thống cơ quan hành chính và hệ thống cơ quan xét xử, cần thiết tăng thẩm quyền cho VKS cấp dưới, thu hẹp bộ máy VKS cấp trên. Mặt khác, cần đảm bảo tổ chức bộ máy tương ứng với cơ quan điều tra các cấp và Tòa án các cấp (đặc biệt nếu Tòa án tổ chức theo mô hình tòa án khu vực).

2. Kiến nghị hoàn thiện

Trên cơ sở phân tích ở nội dung trên, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung một số quy định về các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013 như sau:

Thứ nhất, đối với Quốc hội

Trước mắt, Quốc hội chỉ có đại biểu chuyên trách, cần xóa bỏ đại biểu không chuyên trách; đồng thời, thay đổi chế độ làm việc từ không thường xuyên (một năm 2 kỳ họp) sang làm việc thường xuyên. Do đó, Hiến pháp năm 2013 nên sửa đổi như sau:

Điều 79

...

4. Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, tổng số đại biểu Quốc hội không quá hai trăm người.

Điều 83

...

2. Quốc hội làm việc thường xuyên, theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

Với xu thế vận động của cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước, mô hình bảo hiến đã tồn tại ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, đã đến lúc ở nước ta cần phải có thiết chế bảo hiến với mô hình Hội đồng hiến pháp. Do vậy, Hiến pháp năm 2013 khi sửa đổi, bổ sung cần bổ sung thêm thiết chế *Hội đồng hiến pháp*, với tư cách là thiết chế hiến định độc lập, xếp cùng chương với Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước. Hội đồng hiến pháp có vị trí hiến định, là cơ quan do Quốc hội thành lập, thực hiện chức năng bảo vệ Hiến pháp, phán xét các hành vi vi hiến, đảm bảo tính tối cao của Hiến pháp.

Trong thời gian tới, cần xem xét bãi bỏ chế định UBTVQH khi Quốc hội đã đi vào hoạt động thường xuyên, ổn định. Mặt khác, khi thành lập được Hội đồng Hiến pháp, cần bãi bỏ các quy định về thẩm quyền Quốc hội, UBTVQH tại khoản 10 Điều 70 và khoản 4 Điều 74 Hiến pháp năm 2013 và chuyển giao thẩm quyền đó cho Hội đồng Hiến pháp.

Thứ hai, đối với Chính phủ

- Cần xóa bỏ quy định Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Theo đó, Điều 94 Hiến pháp năm 2013 nên sửa đổi thành: *Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp.*

- Cần xóa bỏ quy định Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số trong khoản 1 Điều 95, chuyển thành quy định: *Chính phủ làm việc theo chế độ thủ trưởng, những vấn đề quan trọng của Chính phủ được thảo luận tập thể, do Thủ tướng quyết định và chịu trách nhiệm.*

Thứ ba, đối với Tòa án nhân dân

Theo phân tích ở trên, chúng tôi kiến nghị bổ sung vào Điều 103 Hiến pháp năm 2013 nội dung *nguyên tắc các Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử.*

Thứ tư, đối với Viện kiểm sát nhân dân

Với vị trí hiến định trong bộ máy nhà nước, VKSND cần được xác lập rõ vị trí với tư cách là một cơ quan độc lập trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Về chức năng của VKSND, vẫn giữ nguyên chức năng như Hiến pháp năm 2013, tuy nhiên cần sửa lại cụm từ "*thực hành*" quyền công tố thành "*thực hiện*" quyền công tố để phù hợp, tương thích với hình thức minh định trong cơ chế quyền lực nhà nước: Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp; Chính phủ thực hiện quyền hành pháp; Tòa án thực hiện quyền tư pháp. Theo đó, cần sửa đổi khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013 thành: *Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Tóm lại, quá trình thi hành Hiến pháp năm 2013 đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và hội nhập quốc tế hiện nay. Bộ máy nhà nước luôn giữ vị trí trung tâm, có vai trò chủ đạo trong quản lý mọi mặt của đời sống xã hội. Việc phát huy tối đa hiệu lực, hiệu quả của từng cơ quan trong bộ máy nhà nước tạo nên tầng quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội cho nhân dân. Hiến pháp là đạo luật cơ bản nhất, có vị trí quan trọng để thể chế hóa những quy định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước./.